

Bản án số: **436** /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2021

V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Thế Lợi**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Liên**

Bà Trần Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: **Ông Lê Đình Phong** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị L**, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn MX, xã PNA, huyện CM, Tp. Hà Nội.

2. Bị đơn: **Anh Lê Công Thứ T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn MX, xã PNA, huyện CM, Tp. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Công Thứ T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PNA, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh T ở thôn MX, xã PNA, huyện CM, Tp. Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 01 năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng càng ngày trở nên trầm trọng do anh T không hỗ trợ chị việc chăm sóc con cái và hỗ trợ kinh tế để chị nuôi con. Đến tháng 5 năm 2021,

chị và con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn MX, xã PNA sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Lê Công Trí D, sinh ngày 29/10/2016. Hiện tại cháu đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu D. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị L đang mang thai tháng thứ 6.

Hiện chị đang làm ở Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật Multilaw thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng và làm giám sát cho trường Phổ thông liên cấp Olympia, khu đô thị Trung Văn, quận Nam Từ Liêm thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lê Công Thứ T trình bày: :

Về quan hệ hôn nhân: Anh T đồng ý với ý kiến trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ sau đó chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Công Trí D, sinh ngày 29/10/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị L đang mang thai cháu thứ hai được khoảng 6 tháng.

Hiện anh đang làm lái xe thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/ tháng nhưng không có hợp đồng lao động cụ thể vì làm cho người nhà.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh T. Về con chung: chị L xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị L nên đồng ý ly hôn. Về con chung: anh T xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Lê Công Thứ T; Về con chung: giao con chung là Lê Công Trí D, sinh ngày 29/10/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Bị đơn anh Lê Công Thứ T đang cư trú tại xã PNA, huyện CM, Tp. Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L và anh Lê Công Thứ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 28/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã PNA, huyện CM, Thành phố Hà Nội nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh T đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L, anh T được ly hôn nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L xin ly hôn anh T, anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Công Trí D, sinh ngày 29/10/2016. Hiện tại chị L đang mang thai tháng thứ tám.

Xét thấy chị L và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên cháu D hiện tại vẫn do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định. Chị L có công việc và thu nhập ổn định. Bà Nguyễn Thị V là mẹ chị L có ý kiến: Anh T có hành vi đe dọa, bạo lực với chị L làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị L và cháu D. Nếu chị L

được nuôi con thì gia đình bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chị L nuôi con. Hiện tại cháu D còn nhỏ, chưa đến 7 tuổi, cần có người thường xuyên chăm sóc, giáo dục. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung cần giao cháu D cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị L và anh Lê Công Thứ T.

2.Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Công Trí D, sinh ngày 29/10/2016 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Lê Công Thứ T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0075325 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp. Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đỗ Thị L, anh Lê Công Thứ T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- Đường sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã PNA, huyện CM, Tp. Hà Nội
(Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Lợi